TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 11-02-2020
V/v tranh chấp: "Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Thúy Thảo, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp: "Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 380/2019/HNGĐ-ST ngày 17-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐ-PT ngày 15/01/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: ấp N1, xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị T3, sinh năm 1938; (có mặt)

Địa chỉ: ấp N1, xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Võ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

**. Nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị T2 chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 16/02/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do chị T2 không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi đánh bài. Anh và chị T2 đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T2.

- Về con chung: Có 1 con chung là Võ Phúc T4, sinh năm 2000, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Anh và chị T2 có tài sản chung gồm 1 căn nhà cất trên phần đất do mẹ ruột anh là bà Võ Thị T3 đứng tên tại ấp N1, xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang; 1 dãy chuồng heo; cây trồng trên đất; 1 hàng rào lưới B40, 1 giếng nước. Nay chị T2 yêu cầu chia tài sản chung thì anh đồng ý chia đôi giá trị theo giá do Hội đồng định giá xác định nhưng đối với các cây trồng thì chị T2 tự đốn bỏ, không đồng ý chia. Yêu cầu trả dần cho chị T2 mỗi tháng 3.000.000 đồng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Về nợ chung: Không có.

**. Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Chị và anh Tchung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 1 con chung là Võ Phúc T4, sinh năm 2000.

- Về tài sản chung: Gồm 1 căn nhà được cất trên phần đất do mẹ chồng là bà Võ Thị T3 đứng tên. Căn nhà tại ấp N1, xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang, 1 dãy chuồng heo, 37 cây dừa và một số cây trái trên đất đang thu hoạch, 1 hàng rào lưới B40, 1 giếng nước. Chị yêu cầu chia ½ tài sản chung của vợ chồng và được xin được nhận bằng giá trị.

Còn các tài sản khác như heo, gà, cá, các vật dụng trong nhà thì chị đồng ý để chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T3 trình bày:*

Bà có cho anh T, chị T2 cất 1 căn nhà trên phần đất diện tích 2.081m^2 tại ấp N1, xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01949QSDĐ/TC ngày 06/02/1999. Nay anh T và chị T2 ly hôn thì bà yêu cầu giao căn nhà cho anh Tquản lý và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án vì lý do sức khỏe.

* Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 380/2019/HNGĐ-ST ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Võ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T2.

- Về con chung: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị T2 có 1 con chung là Võ Phúc T4, sinh năm 2000.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Nguyễn Thị T2.

Giao cho anh Võ Văn T được quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng gồm: 1 căn nhà chính diện tích 14,3m x 7,5m = 107,25m^2 có kết cấu cột bê tông, vách tường tô 2 mặt, nền xi măng, mái tole xi măng; 1 nhà phụ liền kề diện tích 6,8 x 7,5m = 51m^2 có kết cấu cột bê tông đúc sẳn, 3 vách tole xi măng, mái tole xi măng, nền xi măng; 1 mái che diện tích 2,2m x 2,3m = 5,06m^2 có kết cấu cột bê tông đúc sẳn, không vách, nền xi măng, mái tole xi măng; 1 chuồng heo diện tích 14,5m x 3m = 43,5m^2, 1 hàng rào kết cấu cột bê tông đúc sẳn, lưới B40 diện tích 32m x 1,5m = 48m^2; 1 giếng khoan; cây trồng trên đất gồm 14 cây dừa loại A, 20 cây dừa loại B1, 2 cây dừa loại B2, 6 cây bưởi loại C. Tất cả các tài sản trên tại ấp N1, xã N2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Võ Văn T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T2 ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là số tiền 141.617.500 đồng.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

*. Ngày 17/6/2019, anh Võ Văn T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm do hoàn cảnh khó khăn, công việc làm ăn thất bại, không còn nguồn thu nhập nào khác nên anh kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm và tuyên chấp nhận cho anh được trả dần số tiền ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là số tiền 141.617.500 đồng mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Võ Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn chị Nguyễn Thị T2 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn anh Võ Văn T khởi kiện bị đơn Nguyễn Thị T2 yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Võ Văn T với bị đơn chị Nguyễn Thị T2 là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của anh Võ Văn T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: anh Võ Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm và tuyên chấp nhận cho anh được trả dần số tiền 141.617.500 đồng là ½ giá trị tài sản chung, mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do hoàn cảnh khó khăn, công việc làm ăn thất bại, không còn nguồn thu nhập nào khác.

Án sơ thẩm xác định tài sản chung của vợ chồng có giá trị tổng cộng là 283.235.000 đồng, mỗi người được chia 1/2 tài sản chung tương ứng số tiền là 141.617.500 đồng, giao hiện vật cho anh T quản lý, sử dụng và anh T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị T2 số tiền 141.617.500 đồng là có căn cứ phù hợp pháp luật. Bởi lẽ, tại phiên tòa, anh Tvà chị T2 thống nhất tài sản chung của vợ chồng có giá trị tổng cộng là 283.235.000 đồng, mỗi người được chia 1/2 tài sản chung tương ứng số tiền là 141.617.500 đồng. Giao cho anh T nhận hiện vật nên và anh T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị T2 ½ giá trị tài sản với số tiền là 141.617.500 đồng. Anh T xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 141.617.500 đồng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng chị T2 không đồng ý.

Sau khi Tòa sơ thẩm xử, anh T kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn T.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 380/2019/HNGĐ-ST ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Võ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T2.

- Về con chung: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị T2 có 1 con chung là Võ Phúc T4, sinh năm 2000.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Nguyễn Thị T2.

Giao cho anh Võ Văn T được quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng gồm: 1 căn nhà chính diện tích 14,3m x 7,5m = 107,25m^2 có kết cấu cột bê tông, vách tường tô 2 mặt, nền xi măng, mái tole xi măng; 1 nhà phụ liền kề diện tích 6,8 x 7,5m = 51m^2 có kết cấu cột bê tông đúc sẳn, 3 vách tole xi măng, mái tole xi măng, nền xi măng; 1 mái che diện tích 2,2m x 2,3m = 5,06m^2 có kết cấu cột bê tông đúc sẳn, không vách, nền xi măng, mái tole xi măng; 1 chuồng heo diện tích 14,5m x 3m = 43,5m^2, 1 hàng rào kết cấu cột bê tông đúc sẳn, lưới B40 diện tích 32m x 1,5m = 48m^2; 1 giếng khoan; cây trồng trên đất gồm 14 cây dừa loại A, 20 cây dừa loại B1, 2 cây dừa loại B2, 6 cây bưởi loại C. Tất cả các tài sản trên tại ấp N1, xã N2, huyện C, Tiền Giang.

Anh Võ Văn T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T2 ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là số tiền 141.617.500 đồng.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Anh Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm, 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 7.080.800 đồng án phí chia tài sản chung. Anh T đã nộp 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009371 ngày 25/02/2019 và biên lai thu số 0009909 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp số tiền 7.080.800 đồng.

Chị Nguyễn Thị T2 phải chịu 7.080.800 đồng án phí chia tài sản chung. Chị T2 đã nộp 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0009583 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 4.580.800 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã N2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan